

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14 tháng 02 năm 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thanh Hảo;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Chi
2. Ông Nguyễn Văn Môn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:** Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 483/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2020 giữa các đương sự:

**+ Nguyên đơn:** Chị Vương Thị L, sinh năm 1984

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

**+ Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vương Thị L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N lấy nhau là tự nguyện có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn, đăng ký tại UBND xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang ngày 13/12/2010. Hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại nhà chồng ở thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Giang.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, anh N thường xuyên chơi bời, không chịu khó làm ăn, không có trách nhiệm với con cái và thường xuyên đánh chửi chị. Mẫu thuẫn vợ chồng trầm trọng khoảng từ năm tháng 5 năm 2019 do không chịu đựng được chị đã bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể chịu đựng được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N.

*Về con chung:* Chị và anh N có hai con chung là cháu Nguyễn Phan A, sinh ngày 14/11/2011, cháu Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 03/12/2014. Hiện hai cháu đang ở cùng với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu do từ trước đến nay đều do chị tự một mình chăm sóc, nuôi dạy hai con, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại chị làm Công ty, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/1 tháng.

*Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản:* Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị L trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo thì cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Về con chung chị vẫn nhận nuôi các con, thời điểm này đang chờ Tòa án giải quyết ly hôn, chị có chuyển hai con về ông bà ngoại chăm sóc, khi ly hôn xong chị chuyển về Bắc Ninh làm để có nhiều thời gian chăm sóc con hơn. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Từ khi chung sống với nhau thì một mình chị vẫn nuôi hai con ăn học, anh N đi làm nhưng không đưa tiền cho chị để chị nuôi con. Về tài sản chung và công nợ chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**+ *Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Nguyễn Văn N trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Vương Thị L đã đăng ký kết hôn ngày 13/12/2010 tại UBND xã Đ, thành phố B, trước khi kết hôn vợ chồng có tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và có được tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại gia đình anh ở thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Giang.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xích mích, cãi vã nhau, bản thân anh nóng tính và đôi khi hơi vũ phu, nhưng những lần đánh chị L đều do chị L không nghe lời. Từ tháng 1/2019, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị L cũng đã nhiều lần bỏ nhà ra ngoài ở riêng, cụ thể lần thứ nhất chị L ra ngoài ở riêng được ba tháng, sau đó anh có đón chị L về ở cùng, chị L có ở cùng anh được 2 tháng đã bỏ nhà đi từ tháng 5/2019, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay

Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh mong chị L rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, trường hợp chị L cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

*Về con chung:* Anh và chị L có hai con chung là cháu Nguyễn Phan A, sinh ngày 14/11/2011, cháu Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 03/12/2014. Hiện cả hai con đang ở cùng chị L. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Phan A, sinh ngày 14/11/2011, còn chị L nuôi cháu Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 03/12/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện anh đang nấu ăn thuê tại quán ăn ở thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang, thu nhập khoảng 12.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng/1 tháng. Thời gian làm việc từ 09 giờ sáng đến 13 giờ 30 và từ 17 giờ đến 21 giờ.

*Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa anh N trình bày: Về quan hệ vợ chồng, anh đồng ý ly hôn. Về con chung anh đề nghị được nuôi hai con, nếu không được nuôi hai con thì anh đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Phan A, còn cháu Nguyễn Thị Quỳnh T anh để chị L nuôi vì cháu chỉ còn bé lại là con gái cần sự chăm sóc của mẹ. Anh làm nghề nấu ăn, thời gian này do dịch cúm anh chưa đi làm, công việc của anh không ổn định, nhưng nếu đi làm thì thu nhập của anh mỗi tháng khoảng 12.000.000 đồng. Nếu được nuôi con anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ ***Tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Phan A trình bày:*** Cháu là con bố Nguyễn Văn N, mẹ Vương Thị L, hiện nay cháu đang sống cùng với mẹ và ông bà ngoại, cháu đang học lớp 3 tại trường Tiểu học N thuộc xã A, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, không sống với nhau, cháu có nguyện vọng ở với mẹ để việc sinh hoạt, học tập của cháu được ổn định.

***\* Tài liệu, chứng cứ thu thập được:***

+ Tại biên bản xác minh ngày 10/01/2020 ông Nguyễn Văn Khảm là bố đẻ của anh Nguyễn Văn N cung cấp: Chị L và anh N kết hôn năm 2010, sau khi kết hôn chị L, anh N chung sống với gia đình ông ngay. Quá trình chung sống vợ chồng chị L, anh N có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Hiện tại chị L và anh N ly thân, chị L về nhà mẹ đẻ chị L ở. Anh N đang làm đầu bếp ở nhà hàng Yên Dũng, thời gian làm việc từ 8 giờ sáng đến 21 giờ tối.

+ Tại biên bản xác minh ngày 10/01/2020 đại diện chính quyền thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Chị L và anh N kết hôn năm 2010, hai vợ chồng ở chung cùng bố mẹ anh N. Quá trình chung sống chị L, anh N thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, chị L đã vài lần bỏ nhà đi không ở cùng, hiện chị L cùng hai con đã đi được một thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được.

+ Tòa án đã mở phiên hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn anh N và không đồng ý đoàn tụ.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của các đương sự: nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị L và công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh Nguyễn Văn N. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phan A, sinh ngày 14/11/2011, cháu Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 03/12/2014 cho chị L nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con không giải quyết vì chị L không yêu cầu. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Vương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị L và anh Nguyễn Văn N kết hôn ngày 13/12/2010 tại UBND xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân phường Lê Lợi, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị L và anh N là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N thường xuyên chơi bời, không chịu khó làm ăn, không có trách nhiệm với con cái và thường xuyên đánh chửi chị L. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng khoảng từ đầu năm 2019, chị L đã hai lần thuê nhà ở riêng, sau đó lại về chung sống cùng anh N, đến tháng 5/2019 thì chị L ở riêng vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tòa án đã

mở phiên hòa giải nhiều lần nhưng chị L vẫn kiên quyết ly hôn anh N. Anh N cũng đồng ý. Như vậy, xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh N là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Chị L và anh N có hai con chung là cháu Nguyễn Phan A, sinh ngày 14/11/2011, cháu Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 03/12/2014. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng nuôi cả hai cháu, còn anh N đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Phan A, sinh ngày 14/11/2011. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hai cháu đang ở với chị L và ông bà ngoại, các cháu đang sinh sống học tập tại huyện T, tỉnh Bắc Ninh, cháu Nguyễn Phan A đang học lớp 3 tại trường Tiểu học N, thuộc xã A, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Ngoài ra nguyện vọng của cháu Nguyễn Phan A là muốn được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn. Để cuộc sống của các cháu được chăm sóc ổn định, đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất của cả hai cháu và theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Phan A thì cần giao hai cháu Nguyễn Phan A, sinh ngày 14/11/2011, cháu Nguyễn Quỳnh Trang, sinh ngày 03/12/2014 cho chị Vương Thị L nuôi dưỡng là phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, các đương sự đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và theo điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật

tổ tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Vương Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2.2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Phan A, sinh ngày 14/11/2011, cháu Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh ngày 03/12/2014 cho chị Vương Thị L nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2.3. Về án phí: Chị Vương Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng Chị L đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000751 ngày 06/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

2.4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. B,
- CCTHADS TP. B,
- Các đương sự,
- UBND xã Đ
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thị Thanh Hảo**